

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC LOẠI PHÂN BÓN BỊ LOẠI BỎ KHỎI DANH MỤC PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 85 /2009/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)

A. Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 40/2004/QĐ-BNN ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT

B. Danh mục phân bón ban hành kèm theo Quyết định số 77/2005/QĐ-BNN ngày 23/11/2005 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT gồm

II- Phân hữu cơ khoáng

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
89	Hữu cơ khoáng vi lượng HVK-101B	%	HC: 16 N- P ₂ O ₅ (hh)- K ₂ O: 3,0-3,0-2,0	CS phân bón HVK An Thạnh
		ppm	B: 15 Cu: 20 Mg: 100 Zn: 70	
90	Hữu cơ khoáng vi lượng HVK-301B	%	HC: 16 N- P ₂ O ₅ (hh)- K ₂ O: 4,0-3,0-3,0	
		ppm	B: 150 Cu: 200 Mg: 1000 Zn: 700	

III- Phân hữu cơ sinh học

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
6	Phân sinh hoá	%	HC: 23; N:3	CT CP PB & DV TH Bình Định

C. Danh mục phân bón ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BNN ngày 06/02/2007 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT

II- Phân hữu cơ khoáng

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
18	Phân hữu cơ khoáng 3-2-3	%	HC: 15; N - P ₂ O ₅ - K ₂ O: 3 - 2 - 3; Độ ẩm: 20	CS SX Phân bón Tiến Nông
19	Phân hữu cơ khoáng 2-6-0	%	HC: 15; N - P ₂ O ₅ : 2 - 6; Độ ẩm: 20	

D. Danh mục phân bón ban hành kèm theo Quyết định số 84/2007/QĐ-BNN ngày 04/10/2007 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT

III. Phân hữu cơ sinh học

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân
4	Hữu cơ sinh học	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N - P ₂ O ₅ - K ₂ O: 2,5 - 4 - 1; Độ ẩm: 20	CT TNHH Sông Lam
			pH: 5,5-7	

E. Danh mục phân bón ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2008/QĐ-BNN ngày 08/7/2008 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT

III. Phân hữu cơ sinh học

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân
----	--------------	--------	-------------------------------	------------------

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
1	Đầu Trâu Biorganic No1	%	HC: 25; Axit Humic: 2; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-2; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,1; Độ ẩm: 25	CT Phân bón Bình Điền
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
		Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶	
			pH _{KCl} : 5-7	
2	Đầu Trâu Biorganic No2	%	HC: 25; Axit Humic: 2; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-3; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,1; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
		Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶	
			pH _{KCl} : 5-7	

G. Danh mục phân bón ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2009/TT-BNN ngày 27/3/2009 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
19	TINOMIX	%	HC: 20; P ₂ O _{5hh} : 1,5; Độ ẩm: 30	CS SX Phân bón Tiến Nông
		Cfu/g	VSV (N,P,X): 1x 10 ⁶ mỗi loại	

H. Danh mục phân bón ban hành kèm theo Thông tư số 62 /2009/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2009 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT gồm

IV. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
5	ASC PHƯƠNG NAM	%	HC: 15; Axit Humic: 4,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-2; Độ ẩm: 20	CT TNHH MTV Công nghệ An Sinh

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân
1	ASC 0,5-1,5-0,5	%	HC: 15; Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,5-1,5-0,5; CaO: 1,5; MgO: 1,2; S: 0,5; Độ ẩm: 30	CT TNHH MTV Công nghệ An Sinh
		Cfu/g	VSV (N, P, X): 1x10 ⁶ mỗi loại	
			pH: 7	